

Handwritten signature

BỘ TÀI CHÍNH

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 124 /2008/QĐ-BTC

Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế thành lập và hoạt động của Văn phòng đại diện tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 14/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 01 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban chứng khoán Nhà nước,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thành lập và hoạt động của Văn phòng đại diện tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Các quy định tại các văn bản trước đây trái với các quy định tại Quy chế ban hành kèm theo Quyết định này hết hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Văn phòng đại diện của tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam và các bên có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Bo*

Nơi nhận:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND, HĐND các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Văn phòng TƯ và các ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án Nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Công báo, Website Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Sở giao dịch chứng khoán;
- Trung tâm giao dịch chứng khoán;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính, Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, UBCKNN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Xuân Hà

**QUY CHẾ THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA VĂN PHÒNG ĐẠI
DIỆN TỔ CHỨC KINH DOANH CHỨNG KHOÁN
NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 124 /2008/QĐ-BTC ngày 26 tháng 12
năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này hướng dẫn việc thành lập và hoạt động văn phòng đại diện của các tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Công ty mẹ* là tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài có Văn phòng đại diện hoạt động tại Việt Nam.

2. *Đại diện có thẩm quyền* là:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc (Giám đốc) của tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài;

b) Những người được đối tượng tại điểm a khoản này uỷ quyền bằng văn bản;

c) Những người có đủ thẩm quyền theo Điều lệ của tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài để ký các văn bản quy định tại Quy chế này và thực hiện các công việc liên quan trong phạm vi thẩm quyền được giao.

3. *Bản sao hợp lệ* là bản sao được cơ quan quản lý có thẩm quyền của Việt Nam công chứng, chứng thực.

4. *Hồ sơ hợp lệ* là hồ sơ có đủ giấy tờ hợp lệ theo quy định của Quy chế này, có nội dung được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật.

5. *Khai trương hoạt động* là việc bắt đầu tiến hành hoạt động Văn phòng đại diện.

6. *Ngày khai trương hoạt động* là ngày bắt đầu hoạt động.

Điều 3. Quy định chung

1. Tổ chức kinh doanh chứng khoán, thành lập và đang hoạt động hợp pháp theo pháp luật nước ngoài đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 4 Quy chế này được mở Văn phòng đại diện hoạt động tại Việt Nam.

2. Văn phòng đại diện của tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam chịu sự quản lý, giám sát của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

3. Văn phòng đại diện của các tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam được thành lập trước thời điểm Luật Chứng khoán có hiệu lực mà chưa đăng ký hoạt động theo các quy định của pháp luật chứng khoán, phải đăng ký hoạt động lại với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Hồ sơ đăng ký lại hoạt động văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài theo quy định tại Điều 5 Quy chế này.

4. Văn phòng đại diện tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam và người làm việc tại các văn phòng này được bảo hộ các quyền, lợi ích hợp pháp và có nghĩa vụ tuân thủ pháp luật Việt Nam.

Chương II

THÀNH LẬP VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI VIỆT NAM

Điều 4. Điều kiện thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài

Tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài đáp ứng các điều kiện sau được thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam:

1. Là công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, tổ chức tài chính có hoạt động bao gồm một hoặc một số các nghiệp vụ như môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, quản lý tài sản, quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

2. Được cấp phép hoạt động theo pháp luật nước ngoài hoặc đăng ký kinh doanh cho các nghiệp vụ chứng khoán, bao gồm một hoặc một số các nghiệp vụ như môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, quản lý tài sản, quản lý quỹ đầu tư chứng khoán với cơ quan có thẩm quyền trong lĩnh vực chứng khoán tại nước nơi tổ chức đó thành lập hoặc đăng ký kinh doanh.

3. Được cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp phép thành lập, đăng ký hoạt động văn phòng đại diện tại Việt Nam; hoặc tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài không bị hạn chế việc thành lập, đăng ký hoạt động văn phòng đại diện tại Việt Nam theo quy định của pháp luật nước ngoài.

4. Quy định tại khoản 2 Điều này không áp dụng đối với các tổ chức nước ngoài hoạt động trên thị trường vốn, được phép cung cấp dịch vụ quản lý tài sản cho một số lượng hạn chế các nhà đầu tư đáp ứng một số điều kiện theo quy định của pháp luật nước ngoài và quản lý các quỹ đầu tư lập tại nước ngoài có ý định, mục tiêu đầu tư tại Việt Nam.

Điều 5. Hồ sơ đăng ký hoạt động văn phòng đại diện của tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam

1. Hồ sơ đăng ký hoạt động văn phòng đại diện của tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam bao gồm:

a) Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện do đại diện có thẩm quyền của tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài ký (theo mẫu quy định tại Phụ lục I Quy chế này);

b) Trường hợp tổ chức nước ngoài đáp ứng điều kiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 4 Quy chế này, tài liệu bao gồm:

- Bản sao hợp lệ Giấy phép hoạt động, Giấy đăng ký kinh doanh hoặc các tài liệu có giá trị pháp lý tương đương do cơ quan có thẩm quyền trong lĩnh vực chứng khoán của nước ngoài cấp, xác nhận tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 4 Quy chế này. Trong trường hợp Giấy phép hoạt động, Giấy đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu có giá trị pháp lý tương đương có quy định thời hạn hoạt động của tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài thì thời hạn đó phải còn ít nhất là một (01) năm;

Trường hợp tổ chức nước ngoài chỉ đáp ứng điều kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Quy chế này, tài liệu bao gồm:

- Bản sao hợp lệ Giấy phép hoạt động, Giấy đăng ký kinh doanh hoặc các tài liệu có giá trị pháp lý tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp cho tổ chức nước ngoài;

- Trích lục quy định của pháp luật nước ngoài chứng minh tổ chức nước ngoài được phép cung cấp dịch vụ quản lý tài sản;

Trường hợp tổ chức nước ngoài đáp ứng điều kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Quy chế này và đã đăng ký mã số giao dịch cho hoạt động đầu tư tại Việt Nam của các quỹ đầu tư đang quản lý, tài liệu bổ sung bao gồm:

- Danh sách các quỹ đầu tư hoạt động tại Việt Nam được xác nhận bởi người có thẩm quyền của tổ chức nước ngoài kèm theo Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký mã số giao dịch chứng khoán của các quỹ này. Danh sách về các quỹ bao gồm các thông tin về quy mô vốn huy động, quy mô vốn dự kiến đầu tư tại Việt Nam, lĩnh vực dự kiến đầu tư, ngân hàng lưu ký tại Việt Nam, công ty chứng khoán hoặc công ty quản lý quỹ cung cấp dịch vụ chứng khoán, ngân hàng nơi mở tài khoản vốn đầu tư gián tiếp kèm theo bản sao hợp lệ Giấy xác nhận việc đăng ký Tài khoản Vốn đầu tư gián tiếp.

Trường hợp tổ chức nước ngoài đáp ứng điều kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Quy chế này và chưa đăng ký mã số giao dịch cho hoạt động đầu tư tại Việt Nam của các quỹ đầu tư đang quản lý, tài liệu bổ sung bao gồm:

- Bản sao hợp lệ Giấy đăng ký lập quỹ hoặc tài liệu tương đương do cơ quan quản lý có thẩm quyền nước nơi tổ chức đó huy động vốn thành lập quỹ hoặc đăng ký hoạt động của quỹ. Trường hợp theo pháp luật nước nơi quỹ được thành lập hoặc đăng ký kinh doanh, cơ quan quản lý có thẩm quyền không cấp các tài liệu nêu trên, tổ chức nước ngoài có thể nộp các tài liệu sau đây để thay thế: Tài liệu trích lục từ trang thông tin điện tử (website) của cơ quan quản lý có thẩm quyền nước nơi quỹ được thành lập hoặc đăng ký kinh doanh xác nhận việc quỹ đã hoàn tất việc đăng ký thành lập;

- Bản Cáo bạch của Quỹ hoặc tài liệu tương đương;

- Điều lệ Quỹ (The Articles of Incorporation, The Fund Charter);
- Hợp đồng tín thác (Trust Deed/Fund Contract) hoặc Biên bản thỏa thuận góp vốn (Memorandum for private placement, Establishment Contract);
- Văn bản xác nhận về quy mô vốn góp của Ngân hàng lưu ký, Ngân hàng giám sát (Custodian Bank, Depository Bank).

c) Bản sao Biên bản thỏa thuận góp vốn (Memorandum for private placement, Establishment Contract) hoặc Biên bản thỏa thuận thành lập Công ty hoặc Điều lệ Công ty (The Articles of Incorporation) của tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài;

d) Biên bản họp Hội đồng quản trị và Nghị quyết của Hội đồng quản trị của tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài về việc lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam, về việc bổ nhiệm Trưởng đại diện tại Việt Nam, trong đó nêu rõ phạm vi hoạt động của Văn phòng đại diện tại Việt Nam; kèm theo Bản Cam kết của tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài về việc hoàn toàn chịu trách nhiệm về hoạt động của Văn phòng đại diện tại Việt Nam, đảm bảo sự tuân thủ hoạt động của Văn phòng đại diện của tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài theo các quy định pháp luật của Việt Nam;

e) Bản sao hợp lệ Hộ chiếu hoặc Chứng minh thư nhân dân, Sơ yếu lý lịch của người dự kiến được bổ nhiệm làm Trưởng đại diện tại Việt Nam (theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy chế này) có xác nhận của tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài hoặc xác nhận của chính quyền địa phương (đối với trường hợp Trưởng đại diện là người Việt Nam), Danh sách và Sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan quản lý có thẩm quyền của nhân viên làm việc tại văn phòng đại diện (nếu có) (theo mẫu quy định tại Phụ lục II kèm theo Quy chế này);

f) Hợp đồng nguyên tắc về việc thuê trụ sở Văn phòng đại diện kèm theo văn bản xác nhận quyền sở hữu hoặc thẩm quyền cho thuê của bên cho thuê trụ sở;

g) Báo cáo tài chính năm tài chính gần nhất hoặc văn bản xác nhận tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế hoặc tài chính trong năm tài chính gần nhất

do cơ quan có thẩm quyền nơi tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài thành lập cấp;

h) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền tại nước nơi tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập hoặc đăng ký hoạt động cho phép tổ chức này mở Văn phòng đại diện hoạt động tại Việt Nam; trường hợp quy định của nước ngoài không yêu cầu phải có văn bản chấp thuận thì phải có tài liệu chứng minh việc này (trích lục quy định của pháp luật nước ngoài).

2. Hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này được lập thành hai (02) bộ, một bộ bằng tiếng Việt và một bộ bằng tiếng Anh trong đó:

a) Bộ hồ sơ tiếng Anh phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ báo cáo tài chính được lập trực tiếp bằng tiếng Anh và các văn bản của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài gửi trực tiếp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

b) Các bản sao tiếng Việt và các bản dịch từ tiếng Anh ra tiếng Việt phải được tổ chức hành nghề công chứng hợp pháp tại Việt Nam xác nhận theo quy định của pháp luật về công chứng; riêng bản dịch các báo cáo tài chính năm, Biên bản thỏa thuận góp vốn (Memorandum for private placement, Establishment Contract) hoặc Biên bản thỏa thuận thành lập Công ty, Quỹ hoặc Điều lệ Công ty, Quỹ (The Articles of Incorporation, The Fund Charter) và các tài liệu tương đương do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền và có chức năng dịch thuật hoạt động hợp pháp tại Việt Nam xác nhận;

c) Giấy phép hoạt động, Giấy đăng ký kinh doanh và các tài liệu, văn bản pháp lý do các cơ quan quản lý có thẩm quyền Việt Nam cấp, các văn bản tiếng Việt là bản gốc (hoặc sao từ bản gốc tiếng Việt) và được lập tại Việt Nam không cần phải dịch ra tiếng Anh, hợp pháp hóa lãnh sự.

3. Việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ được tiến hành khi tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài thấy cần sửa đổi, bổ sung hoặc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước yêu cầu sửa đổi, bổ sung. Bản sửa đổi bổ sung phải có chữ ký của những người đã ký trong Hồ sơ đăng ký gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc những người có cùng chức danh với những người nói trên.

4. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Văn phòng đại diện hợp lệ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam. Trường hợp từ chối, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 6. Công bố thông tin và khai trương hoạt động

1. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Văn phòng đại diện, tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài phải làm thủ tục xin cấp con dấu với cơ quan công an (Sở Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi đặt Văn phòng đại diện) theo hướng dẫn của cơ quan công an, thực hiện việc công bố Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Văn phòng đại diện trên một tờ báo viết hoặc báo điện tử được phép phát hành tại Việt Nam trong ba (03) số liên tiếp về những nội dung sau:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở của Văn phòng đại diện;
- b) Tên, địa chỉ trụ sở của tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài có Văn phòng đại diện hoạt động tại Việt Nam;
- c) Tên, quốc tịch của Trưởng đại diện;
- d) Số, ngày cấp, thời hạn của Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Văn phòng đại diện;
- e) Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện.

2. Trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ khi chính thức khai trương hoạt động, Văn phòng đại diện phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo hoạt động của mình (theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quy chế này) và các tài liệu xác thực tổ chức nước ngoài đã hoàn tất các thủ tục khai trương hoạt động của Văn phòng đại diện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 7. Thời hạn hoạt động của Văn phòng đại diện

1. Thời hạn hoạt động của Văn phòng đại diện tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài được quy định cụ thể trong Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động và được tính từ ngày ký Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động.

2. Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của văn phòng đại diện tối đa là năm (05) năm nhưng không vượt quá thời hạn còn lại của Giấy phép hoạt động, Giấy đăng ký kinh doanh hoặc văn bản pháp lý tương đương của tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài.

Điều 8. Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Văn phòng đại diện

1. Tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài phải đề nghị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Văn phòng đại diện trong các trường hợp có những thay đổi sau:

- a) Thay đổi Trưởng đại diện;
- b) Thay đổi tên gọi của Văn phòng đại diện;
- c) Thay đổi địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện;
- d) Thay đổi tên hoặc địa điểm đặt trụ sở của tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài trong phạm vi nước nơi tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài thành lập hoặc đăng ký hoạt động;
- e) Thay đổi tên gọi hoặc thay đổi nơi đăng ký kinh doanh của tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài từ một nước sang nước khác;
- f) Thay đổi hoạt động của tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài; địa vị pháp lý hoặc các thay đổi liên quan tới việc chia tách, sáp nhập, hợp nhất của tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài;

2. Hồ sơ đề nghị điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Văn phòng đại diện bao gồm các tài liệu sau:

a) Trường hợp thay đổi Trưởng đại diện tại Việt Nam theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này:

- Giấy đề nghị điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Văn phòng đại diện do đại diện có thẩm quyền của tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài ký (theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quy chế này);

- Quyết định bổ nhiệm, thay đổi Trưởng đại diện tại Việt Nam do đại diện có thẩm quyền của tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài ký;

- Giấy tờ chứng minh Trưởng đại diện sắp mãn nhiệm đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế, tài chính với Nhà nước Việt Nam;

- Bản sao hợp lệ Hộ chiếu hoặc Chứng minh thư nhân dân, Sơ yếu lý lịch của người dự kiến được bổ nhiệm làm Trưởng đại diện tại Việt Nam có xác nhận của tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài hoặc xác nhận của chính quyền địa phương đối với trường hợp Trưởng đại diện là người Việt Nam (theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy chế này).

b) Trường hợp thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở của văn phòng đại diện theo quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều này:

- Giấy đề nghị điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Văn phòng đại diện do đại diện có thẩm quyền của tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài ký hoặc Trưởng đại diện ký khi có ủy quyền của tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài (theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quy chế này) kèm theo văn bản ủy quyền;

- Bản sao hợp lệ Giấy phép hoạt động, Giấy đăng ký kinh doanh hoặc các tài liệu có giá trị pháp lý tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp;

- Bản sao hợp đồng thuê địa điểm mới của Văn phòng đại diện (trong trường hợp thay đổi địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện);

c) Trường hợp điều thay đổi liên quan đến tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài theo quy định tại điểm d, e, f khoản 1 Điều này:

- Trong thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày có sự thay đổi liên quan đến tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài theo quy định tại điểm d, e, f khoản 1 Điều này. Tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài phải nộp Giấy đề nghị điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Văn phòng đại diện tại Việt Nam do đại diện có thẩm quyền của tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài ký;

- Bản sao hợp lệ Giấy phép hoạt động, Giấy đăng ký kinh doanh, hoặc các tài liệu pháp lý chứng minh sự thay đổi địa điểm của tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài trong phạm vi nước nơi tổ chức đó thành lập, thay đổi tên, địa vị pháp lý, thay đổi trụ sở, thay đổi nơi đăng ký kinh

doanh của tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài được cơ quan có thẩm quyền nơi tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài thành lập hoặc đăng ký kinh doanh xác nhận.

3. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ của tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài theo quy định tại khoản 2 Điều này, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có trách nhiệm điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Văn phòng đại diện. Trường hợp từ chối, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Thời hạn nêu tại khoản này không bao gồm thời gian tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài sửa đổi, bổ sung hồ sơ đề nghị điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Văn phòng đại diện tại Việt Nam.

4. Trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ khi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Văn phòng đại diện điều chỉnh, tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài phải thực hiện việc công bố thông tin về các nội dung đã được điều chỉnh tại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Văn phòng đại diện theo hình thức quy định tại khoản 1 Điều 6 Quy chế này.

Điều 9. Gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Văn phòng đại diện

1. Tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài được gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Văn phòng đại diện khi có đủ điều kiện sau đây:

a) Là tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài tiếp tục duy trì hoạt động hợp pháp theo pháp luật của nước nơi tổ chức đó thành lập hoặc đăng ký kinh doanh, đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 4 Quy chế này;

b) Không có hành vi vi phạm nghiêm trọng pháp luật Việt Nam liên quan đến hoạt động của Văn phòng đại diện và dẫn tới bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Văn phòng đại diện.

2. Trong thời hạn ít nhất ba mươi (30) ngày, trước khi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Văn phòng đại diện hết hạn, tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài phải làm thủ tục gia hạn.

3. Hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Văn phòng đại diện bao gồm các tài liệu sau:

a) Giấy đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Văn phòng đại diện do đại diện có thẩm quyền của tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài ký (theo mẫu tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định này);

b) Tài liệu theo quy định tại điểm b, d, g khoản 1 Điều 5 Quy chế này;

c) Trường hợp có sự thay đổi Điều lệ của tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài hoặc Trưởng đại diện hoặc trụ sở Văn phòng đại diện, hồ sơ bổ sung các tài liệu theo quy định tại điểm c, e, h khoản 1 Điều 5 Quy chế này.

4. Thời hạn Ủy ban Chứng khoán Nhà nước làm thủ tục gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Văn phòng đại diện thực hiện như thời hạn cấp mới Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Văn phòng đại diện theo quy định tại Khoản 4 Điều 5 Quy chế này. Trường hợp từ chối, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Thời hạn này không bao gồm thời gian tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài sửa đổi, bổ sung hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Văn phòng đại diện tại Việt Nam.

Điều 10. Phạm vi hoạt động, quyền và nghĩa vụ của Văn phòng đại diện, Trưởng đại diện và nhân viên tại Văn phòng đại diện

1. Phạm vi hoạt động Văn phòng đại diện của tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam bao gồm một, một số hoặc toàn bộ các nội dung sau đây:

a) Thực hiện chức năng văn phòng liên lạc và nghiên cứu thị trường chứng khoán;

b) Xúc tiến xây dựng các dự án hợp tác trên lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán tại Việt Nam;

c) Thúc đẩy, giám sát thực hiện các hợp đồng thoả thuận đã ký kết giữa tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài với các tổ chức kinh tế của Việt Nam trong lĩnh vực chứng khoán;

d) Thúc đẩy, giám sát thực hiện các dự án do tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài tài trợ tại Việt Nam trong lĩnh vực chứng khoán.

2. Văn phòng đại diện của các tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài hoạt động theo mô hình kinh doanh trong nhiều lĩnh vực chỉ được thực hiện các hoạt động quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Quyền của Văn phòng đại diện:

a) Văn phòng đại diện chỉ được mở tài khoản chuyên chi bằng ngoại tệ hoặc bằng đồng Việt Nam có gốc ngoại tệ tại tổ chức tín dụng được phép hoạt động kinh doanh ngoại hối tại Việt Nam và chỉ được sử dụng tài khoản này vào hoạt động của Văn phòng đại diện. Việc mở, sử dụng và đóng tài khoản của Văn phòng đại diện thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

b) Được thuê người Việt Nam và người nước ngoài vào làm việc tại Văn phòng đại diện theo các quy định của pháp luật Việt Nam. Sau mỗi lần tuyển dụng bổ sung nhân viên người nước ngoài làm việc tại Văn phòng đại diện, trong thời hạn năm (5) ngày làm việc, Công ty mẹ phải báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước về việc tuyển dụng nhân sự nước ngoài kèm theo các văn bản xác nhận sự chấp thuận của các cơ quan quản lý có thẩm quyền;

c) Văn phòng đại diện tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam có con dấu riêng theo quy định của pháp luật Việt Nam và chỉ được sử dụng con dấu này trong các văn bản giao dịch thuộc quyền hạn và chức năng của văn phòng đại diện;

d) Các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

4. Nghĩa vụ của Văn phòng đại diện

a) Văn phòng đại diện chỉ được thực hiện những hoạt động theo nội dung và trong thời hạn hoạt động quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Văn phòng đại diện. Văn phòng đại diện không được cho thuê lại trụ sở và không được thực hiện chức năng đại diện cho tổ chức khác, không

được chuyển nhượng Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Văn phòng đại diện cho tổ chức hoặc cá nhân khác;

b) Văn phòng đại diện phải thực hiện việc đăng ký lao động, các thủ tục khác liên quan đến người lao động là người nước ngoài, người Việt Nam của văn phòng đại diện với Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố, trực thuộc trung ương theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố;

c) Văn phòng đại diện không được thực hiện các hoạt động kinh doanh tại Việt Nam; không được thực hiện việc quản lý tài sản, quản lý vốn đầu tư cho các nhà đầu tư, kể cả phần vốn đầu tư của Công ty mẹ tại Việt Nam và các hoạt động kinh doanh chứng khoán khác tại Việt Nam.

d) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

5. Trưởng đại diện không được đồng thời kiêm nhiệm làm:

a) Người đứng đầu chi nhánh của cùng tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam hoặc là Trưởng đại diện, chi nhánh của một tổ chức nước ngoài khác tại Việt Nam hoặc Giám đốc, Phó Giám đốc (Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc), nhân viên làm việc tại một tổ chức kinh doanh chứng khoán tại Việt Nam;

b) Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp được thành lập theo pháp luật Việt Nam, Giám đốc, Phó Giám đốc (Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc);

c) Người đại diện theo pháp luật của tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài; hoặc thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc (Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc) hoặc là các cá nhân khác có quyền ký kết các hợp đồng kinh tế, giao dịch tài sản mà không cần ủy quyền bằng văn bản của tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài.

6. Trưởng đại diện chỉ được thay mặt tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài để ký kết các hợp đồng liên quan đến hoạt động kinh doanh, đầu tư của tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài với các tổ chức kinh tế, tổ chức kinh doanh chứng khoán Việt Nam trong trường hợp có ủy quyền hợp pháp bằng văn bản của người có thẩm quyền của tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài. Giấy ủy quyền phải được lập riêng cho mỗi lần ký kết (ủy quyền từng lần) và phải gửi cho Ủy ban Chứng khoán

Nhà nước Bản sao hợp lệ Giấy ủy quyền đó trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày ký.

Điều 11. Hồ sơ, thủ tục chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện

1. Văn phòng đại diện tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau:

- a) Tự nguyện chấm dứt hoạt động theo đề nghị của tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài;
- b) Hết thời hạn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Văn phòng đại diện;
- c) Tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài bị giải thể, phá sản;
- d) Văn phòng đại diện tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định tại Điều 12 Quy chế này.

2. Trường hợp Văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều này, tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Hồ sơ đề nghị chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện tối thiểu ba mươi (30) ngày trước ngày dự kiến giải thể, kết thúc hoạt động. Hồ sơ đề nghị chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện bao gồm các tài liệu sau:

- a) Thông báo dự kiến chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện (theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Quy chế này);
- b) Kế hoạch chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện bao gồm: trình tự và thủ tục thanh lý các tài sản nợ, tài sản có của Văn phòng đại diện; cách thức, thời hạn và kế hoạch thanh toán các nghĩa vụ nợ, thu hồi tài sản có, giải quyết các nghĩa vụ, quyền lợi với cá nhân, tổ chức có liên quan; kế hoạch chuyển tiền và tài sản của Văn phòng đại diện ra nước ngoài;
- c) Quyết định của cơ quan hoặc đại diện có thẩm quyền của Công ty mẹ về việc chấm dứt hoạt động (đóng cửa) Văn phòng đại diện;
- d) Các văn bản khác khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước yêu cầu.

3. Trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đầy đủ bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét chấp thuận về mặt nguyên tắc việc chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện

tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam. Trong trường hợp không chấp thuận, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được công văn chấp thuận về mặt nguyên tắc việc chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Văn phòng đại diện tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài phải hoàn tất các hoạt động đóng cửa văn phòng đại diện bao gồm:

a) Thông báo trên ba (03) số báo liên tiếp của một (01) tờ báo Trung ương hoặc địa phương nơi Văn phòng đại diện tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài có trụ sở về việc chấm dứt hoạt động của mình để các tổ chức, cá nhân đến giải quyết quyền lợi liên quan;

b) Thanh lý Hợp đồng thuê trụ sở, Hợp đồng lao động với người lao động và các giao dịch khác (nếu có);

c) Hoàn thành các nghĩa vụ nộp thuế, tài chính đối với Nhà nước theo quy định hiện hành của pháp luật;

d) Làm thủ tục trả con dấu và Giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu dấu Văn phòng đại diện với cơ quan cấp dấu;

e) Thực hiện đầy đủ mọi nghĩa vụ, quyền lợi đối với các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

5. Sau khi hoàn tất thủ tục theo quy định tại khoản 4 Điều này, tổ chức kinh doanh chứng khoán báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc đã hoàn tất thủ tục kết thúc hoạt động của Văn phòng đại diện tại Việt Nam. Hồ sơ báo cáo bao gồm các tài liệu sau:

a) Thông báo chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện do Đại diện có thẩm quyền của tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài ký (theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Quy chế này);

b) Văn bản, tài liệu liên quan chứng minh tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài đã hoàn tất các thủ tục thanh lý, thực hiện đầy đủ mọi nghĩa vụ, quyền lợi với các tổ chức, cá nhân liên quan theo quy định tại điểm a, b, c, d, e khoản 4 Điều này (xác nhận của cơ quan thuế, văn bản thanh lý hợp đồng thuê trụ sở, thanh lý hợp đồng lao động...) và các quy định liên quan của pháp luật Việt Nam;

c) Bản chính Giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động Văn phòng đại diện tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài.

6. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 5 Điều này, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra Quyết định chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài.

7. Sau khi nhận được Quyết định chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Văn phòng đại diện tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài được chuyển ra nước ngoài tài sản của tổ chức kinh doanh chứng khoán còn lại (nếu có) sau thanh lý theo quy định pháp luật hiện hành

Điều 12. Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Văn phòng đại diện

Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài có thể bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Văn phòng đại diện trong các trường hợp sau:

1. Tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài, Văn phòng đại diện của tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài cố tình vi phạm các quy định về quản lý ngoại hối theo pháp luật Việt Nam, các quy định trong lĩnh vực chứng khoán hoặc có các hành vi lạm dụng thị trường, giao dịch nội gián, thao túng thị trường, lừa đảo; không thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế, các nghĩa vụ tài chính khác đối với Nhà nước Việt Nam theo quy định của pháp luật;

2. Hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Văn phòng đại diện của tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài có những thông tin sai lệch, không chính xác hoặc bỏ sót những nội dung quan trọng theo quy định phải có trong hồ sơ;

3. Hoạt động sai mục đích, không đúng chức năng hoặc không đúng nội dung quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Văn phòng đại diện hoặc các quy định pháp luật khác về hoạt động của Văn phòng đại diện;

4. Không gửi báo cáo theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền đúng thời hạn quy định hoặc thời hạn được yêu cầu;

5. Tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài tự nguyện chấp dứt hoạt động Văn phòng đại diện tại Việt Nam;

6. Tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài bị chia, tách, sáp nhập, hợp nhất mà tổ chức hình thành sau khi chia, tách, sáp nhập, hợp nhất chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện tại Việt Nam hoặc bị cơ quan có thẩm quyền có thẩm quyền tại nước nơi tổ chức đó thành lập hoặc đăng ký kinh doanh buộc phải giải thể hoặc bị phá sản;

7. Văn phòng đại diện không tiến hành hoạt động trong thời hạn mười hai (12) tháng kể từ ngày được cấp phép;

Điều 13. Chế độ báo cáo, lưu trữ hồ sơ của Văn phòng đại diện tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài

1. Văn phòng đại diện có trách nhiệm Báo cáo hoạt động định kỳ hàng quý, năm cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Nội dung báo cáo (theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Quy chế này).

2. Thời hạn nộp báo cáo quy định tại khoản 1 Điều này:

a) Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc quý;

b) Trong vòng 90 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc năm.

3. Trong trường hợp cần thiết, khi có yêu cầu bằng văn bản của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật Việt Nam, Văn phòng đại diện có nghĩa vụ báo cáo, cung cấp tài liệu hoặc giải trình các vấn đề có liên quan đến hoạt động của Văn phòng đại diện và hoạt động trên thị trường chứng khoán Việt Nam của tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài có Văn phòng đại diện tại Việt Nam.

Chương V

THANH TRA, GIÁM SÁT, XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 14. Thanh tra, giám sát

Văn phòng đại diện tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài, nhân viên làm việc tại các Văn phòng đại diện của tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài chịu sự quản lý, thanh tra, giám sát của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan quản lý có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

Điều 15. Xử lý vi phạm

Tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài, Văn phòng đại diện có hành vi vi phạm các quy định tại Quy chế này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Áp dụng Luật Chứng khoán đối với các Văn phòng đại diện thành lập và hoạt động trước khi Quy chế này có hiệu lực thi hành

Tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài có Văn phòng đại diện hoạt động theo Luật Chứng khoán phải điều chỉnh các hoạt động có liên quan phù hợp với các quy định tại Quy chế này trong vòng ba (03) tháng kể từ khi Quy chế này có hiệu lực thi hành. *Phuc*

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Trần Xuân Hà